**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

**A. Nội dung thủ tục hành chính được tiếp nhận tại Sở Tư pháp**

**A1. Nội dung thủ tục hành chính mới ban hành**

**A2. Nội dung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

**Lĩnh vực Quốc tịch**

**1. Thủ tục Nhập quốc tịch Việt Nam[[1]](#footnote-1)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Người nước ngoài và người không quốc tịch thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

**- Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ những loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký và ghi rõ họ, tên người tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong trường hợp hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện theo hướng dẫn thì người tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên.

**- Bước 3:** Sở Tư pháp thẩm tra và chuyển hồ sơ xác minh:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả về Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

**- Bước 4:** Bộ Tư pháp và Văn phòng Chủ tịch nước tiếp nhận hồ sơ giải quyết:

+ Đối với người xin nhập quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài:

* Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi văn bản thông báo cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài;
* Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

+ Đối với người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch.

* Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

**- Bước 5:** Thông báo kết quả giải quyết:

+ Sau khi có Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp gửi cho người được nhập quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được nhập quốc tịch, đồng thời gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch và thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được nhập quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp để thông báo cho người nộp hồ sơ nhập quốc tịch Việt Nam.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp;

- Nhận thông tin về hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử;

- Nhận kết quả qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

+ Trường hợp con chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam cùng cha mẹ thì phải nộp Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà người con chưa thành niên sinh sống cùng người nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc theo mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc nhập quốc tịch Việt Nam cho con;

+ Bản khai lý lịch (theo mẫu);

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt (gồm một trong các giấy tờ sau đây: Bản sao bằng tốt nghiệp sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo tiếng Việt của Việt Nam cấp).

Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam khai báo biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam, nhưng không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức phỏng vấn trực tiếp để kiểm tra trình độ tiếng Việt của người đó. Kết quả phỏng vấn phải được lập thành văn bản; người trực tiếp phỏng vấn căn cứ vào tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ (biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được đánh giá trên cơ sở khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt với công dân Việt Nam trong cuộc sống, phù hợp với môi trường sống và làm việc của người đó) để đề xuất ý kiến và chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất của mình;

+ Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (bản sao Thẻ thường trú);

+ Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; Giấy xác nhận mức lương hoặc thu nhập do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc cấp; Giấy xác nhận của cơ quan thuế về thu nhập chịu thuế; Giấy tờ chứng minh được sự bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi thường trú của người xin nhập quốc tịch Việt Nam về khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người đó);

+ Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì phải nộp một số giấy tờ chứng minh điều kiện được miễn:

* Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân;
* Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam phải nộp bản sao giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con;
* Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải nộp bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam;
* Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao) phải nộp giấy chứng nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận về việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

**- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp.

**- Cơ quan phối hợp:** Công an Thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

***h) Phí, lệ phí:*** *3.000.000 đồng/trường hợp.*

\* *Các trường hợp sau đây được miễn lệ phí xin nhập quốc tịch Việt Nam:*

*- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xin nhập quốc tịch Việt Nam.*

*Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó;*

*- Người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam mà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú;*

*- Người di cư từ Lào được phép cư trú xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam [(Mẫu TP/QT-2010- ĐXNQT.1](file:///\\10.188.24.14\..\..\vb9\Local%20Settings\Temp\TAI%20LIEU\To%20khai%20dang%20ky%20ket%20hon.doc) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);

- Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2010-TKLL ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;

+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đã thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải có các điều kiện (biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; đã thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính từ ngày được cấp Thẻ thường trú; có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam), nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

+ Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Người nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài (trừ những người là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép;

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam;

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam;

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

- Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014);

- *Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);*

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010);

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

[*Mẫu TP/QT-2010- ĐXNQT.1*](file:///\\10.188.24.14\..\..\vb9\Local%20Settings\Temp\TAI%20LIEU\To%20khai%20dang%20ky%20ket%20hon.doc)

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6  (chụp chưa quá 06 tháng) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**Họ và tên**(1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ................................. Số:

Cấp ngày, tháng, năm:

Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (*nếu có*):

Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (*nếu có*):

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:

Thẻ thường trú số: ................................, cấp ngày, tháng, năm:

Cơ quan cấp:............................................................, cấp lần thứ

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (6):

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Giới tính | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh | Nơi đăng ký khai sinh | Tên gọi  Việt Nam |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

Về quốc tịch hiện nay (7):

|  |  |
| --- | --- |
| Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)*: | Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (*nếu có)* thuộc trường hợp đặc biệt: |
|  | Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:  ………………………………………………  ………………………………………………  ………………………………………………. |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

***Giấy tờ kèm theo:***

*………………………., ngày….... tháng ....... năm............*

- . **Người làm đơn**

- . *(Ký và ghi rõ họ tên)*

- .

**Chú thích:**

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
2. *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
3. *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
4. *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
5. *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
6. *Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam;*
7. *Đánh dấu ‘X” vào 1 trong 2 lựa chọn.*

*Mẫu TP/QT-2010-TKLL*

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6  (Chụp chưa  quá 06 tháng) | **CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **TỜ KHAI LÝ LỊCH** |

**Họ và tên**(1):

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..................... Số:

Cấp ngày, tháng, năm:.................................., cơ quan cấp

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp

Nơi làm việc :

**TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN**

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

* 1. **TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH**

**Họ và tên cha**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên mẹ**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên vợ /chồng:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên con thứ nhất**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên con thứ hai**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

*….......……, ngày…..…tháng….…năm…....…*

1. **Người khai**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Chú thích:**

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
2. *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
3. *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
4. *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
5. *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

**2. Thủ tục Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước**[[2]](#footnote-2)

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Nếu cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, người xin thôi quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

**- Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ những loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký và ghi rõ họ, tên người tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong trường hợp hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện theo hướng dẫn thì người tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên.

**- Bước 3:**

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện Đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Thông báo trên Trang thông tin điện tử phải được lưu giữ trong thời gian ít nhất 30 ngày, kể từ ngày đăng thông báo;

+ Gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả về Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

**- Bước 4:** Bộ Tư pháp tiếp nhận hồ sơ giải quyết:

+ Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định;

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công an xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Bộ Công an nhận được đề nghị của Bộ Tư pháp, Bộ Công an trả lời kết quả xác minh.

**- Bước 5:** Văn phòng Chủ tịch nước tiếp nhận hồ sơ giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- **Bước 6:** Thông báo kết quả giải quyết:

Sau khi có Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp gửi cho người được thôi quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được thôi quốc tịch, gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch. Đồng thời, thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được thôi quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú;

Trường hợp trước đây đương sự đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh;

Trường hợp trước đây đương sự đã đăng ký khai sinh tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì thông báo được gửi cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, nơi đã đăng ký khai sinh; nếu Sổ đăng ký khai sinh đã chuyển lưu 01 quyển tại Bộ Ngoại giao thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thông báo tiếp cho Bộ Ngoại giao để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh được lưu tại Bộ Ngoại giao.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp;

- Nhận thông tin về hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử;

- Nhận kết quả qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

+ Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (theo mẫu);

+ Bản khai lý lịch (theo mẫu);

+ Bản sao Hộ chiếu Việt Nam*,* Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác (theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, có giá trị chứng minh người có quốc tịch Việt Nam: Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi);

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ tuỳ thân khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài);

+ Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp;

+ Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 05 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan*,* tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú ở trong nước thì không phải nộp các giấy tờ:

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

+ Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp.

\* Giấy tờ phải xuất trình:

Giấy tờ chứng minh nơi cư trú là một trong các giấy tờ sau: Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú (nếu có), trong trường hợp không có các loại giấy tờ nêu trên thì nơi cư trú của đương sự là nơi người đó đang sinh sống và có xác nhận của Công an phường, xã, thị trấn về việc cư trú tại địa phương.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

**- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp.

**- Cơ quan phối hợp:** Công an Thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

**h) Phí, lệ phí:** 2.500.000 đồng/trường hợp.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*+* Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu số TP/QT-2010- ĐXTQT.1ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);

+ Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Dùng cho người giám hộ làm đơn xin cho người được giám hộ) (Mẫu sốTP/QT-2010-ĐXTQT.2 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);

[+](file:///\\10.188.24.14\..\..\em%20Tho%20gui%20Thu%20tuc%20chua%20co%20trong%20De%20an%2030\To%20khai%20dang%20ky%20ket%20hon.doc) Tờ khai lý lịch (Mẫu số TP/QT-2010-TKLLban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

+ Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam;

+ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Đang chấp hành bản án, quyết định của Toà án Việt Nam;

+ Đang bị tạm giam để chờ thi hành án;

+ Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam;

- Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam;

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

*- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);*

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010);

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

[*Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.1*](file:///\\10.188.24.14\..\..\vb9\Local%20Settings\Temp\TAI%20LIEU\To%20khai%20dang%20ky%20ket%20hon.doc)

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6  (Chụp chưa  quá 6 tháng) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**Họ và tên** (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số:

Cấp ngày, tháng, năm:............................., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (*nếu có*):

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (*nếu có*):

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây được thôi quốc tịch Việt Nam *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Giới tính** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Nơi sinh** | **Nơi đăng ký khai sinh** | **Ngày, tháng, năm xuất cảnh *(nếu có)*** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

***Giấy tờ kèm theo:***  *.............., ngày..... tháng ....... năm.........*

- . ....................... **Người làm đơn**

- . ....................... *(Ký và ghi rõ họ tên)*

- . .......................

**Chú thích:**

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
2. *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
3. *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
4. *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
5. *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

*Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.2*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ảnh 4x6  (của người chưa thành niên chụp chưa quá 06 tháng) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |  |

**ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

**(Dùng cho người giám hộ làm Đơn xin cho người được giám hộ)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**Họ và tên người giám hộ làm Đơn** (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Quốc tịch hiện nay (3):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (4):

Cấp ngày, tháng, năm:........................................., Cơ quan cấp:.

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Quan hệ giữa người giám hộ làm Đơn và người được giám hộ:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được giám hộ có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam:

**Họ và tên người xin thôi quốc tịch Việt Nam :**.............................................................

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Nơi đăng ký khai sinh (5):

Quốc tịch hiện nay:

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Số:

Cấp ngày, tháng, năm:....................................., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (*nếu có*):

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (*nếu có*):

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

***Giấy tờ kèm theo:***  *.............., ngày......tháng......năm.........*

- ..... **Người làm đơn**

- . *(Ký và ghi rõ họ tên)*

- .

**Chú thích:**

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
2. *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
3. *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
4. *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
5. *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh.*

*Mẫu TP/QT-2010-TKLL*

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6  (Chụp chưa quá 06 tháng) | **CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **TỜ KHAI LÝ LỊCH** |

**Họ và tên** (1):

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ......................................... Số:

Cấp ngày, tháng, năm:........................................., Cơ quan cấp

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc :

**TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN**

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

* 1. **TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH**

**Họ và tên cha**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên mẹ**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên vợ /chồng:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên con thứ nhất**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên con thứ hai**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

*….......……, ngày…..…tháng….…năm…....…*

1. **Người khai**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Chú thích:**

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
2. *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
3. *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
4. *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
5. *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

**3. Thủ tục Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước[[3]](#footnote-3)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Nếu cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

**- Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ những loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký và ghi rõ họ, tên người tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong trường hợp hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện theo hướng dẫn thì người tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên.

**- Bước 3:**

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

+ Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả về Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

**- Bước 3:** Bộ Tư pháp:

+ Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài:

* Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài;
* Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

+ Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch:

* Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Trong trường hợp cần thiết phải xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ Công an xác minh. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tư pháp, Bộ Công an xác minh và trả lời kết quả cho Bộ Tư pháp.

**- Bước 4:** Văn phòng Chủ tịch nước:

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

**- Bước 5:** Thông báo kết quả giải quyết:

Sau khi có Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp gửi cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch và gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch;

Trường hợp người được trở lại quốc tịch Việt Nam mà trước đó đã ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh việc thôi quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được trở lại quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú;

Trường hợp trước đây đương sự đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã thì sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh;

Trường hợp trước đây đương sự đã đăng ký khai sinh tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì thông báo được gửi cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, nơi đã đăng ký khai sinh; nếu Sổ đăng ký khai sinh đã chuyển lưu 01 quyển tại Bộ Ngoại giao thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thông báo tiếp cho Bộ Ngoại giao để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh được lưu tại Bộ Ngoại giao.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp;

- Nhận thông tin về hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử;

- Nhận kết quả qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

+ Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy khai sinh,Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

+ Trường hợp con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thoả thuận của cha mẹ về việc trở lại quốc tịch Việt Nam của con.

+ Bản khai lý lịch (theo mẫu);

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (các giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: bản sao Giấy khai sinh; bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó);

+ Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam (Xin hồi hương về Việt Nam; Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam; Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thực hiện đầu tư tại Việt Nam; Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài; giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục xin hồi hương về Việt Nam hoặc bản sao giấy tờ chứng nhận việc đầu tư tại Việt Nam).

\* Giấy tờ phải xuất trình:

Giấy tờ chứng minh nơi cư trú là một trong các giấy tờ sau: Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú (nếu có), trong trường hợp không có các loại giấy tờ nêu trên thì nơi cư trú của đương sự là nơi người đó đang sinh sống và có xác nhận của Công an phường, xã, thị trấn về việc cư trú tại địa phương.

- Số lượng hồ sơ:03 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

**- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp.

**- Cơ quan phối hợp:** Công an Thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

***h) Phí, lệ phí:*** *2.500.000 đồng/trường hợp.*

*\* Các trường hợp sau đây được miễn lệ phí xin trở lại quốc tịch Việt Nam:*

*- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam.*

*Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó;*

*- Người mất quốc tịch xin trở lại quốc tịch Việt Nam mà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*+* Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2010-ĐXTLQT.1 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);

[+ Tờ khai lý lịch](file:///\\10.188.24.14\..\..\em%20Tho%20gui%20Thu%20tuc%20chua%20co%20trong%20De%20an%2030\To%20khai%20dang%20ky%20ket%20hon.doc) (Mẫu TP/QT-2010-TKLL ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

+ Xin hồi hương về Việt Nam;

+ Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻlà công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó);

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam);

+ Thực hiện đầu tư tại Việt Nam (phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó);

+ Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam;

- Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 05 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam;

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây, tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam;

- Người được trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép:

+ Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

- Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014);

*- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);*

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010);

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

[*Mẫu TP/QT-2010- ĐXTLQT.1*](file:///\\10.188.24.14\..\..\vb9\Local%20Settings\Temp\TAI%20LIEU\To%20khai%20dang%20ky%20ket%20hon.doc)

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6  (Chụp chưa  quá 06 tháng) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**Họ và tên** (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): .................................... Số:

Cấp ngày, tháng, năm:........................................., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (*nếu có*):

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh (*nếu có*):

Địa chỉ nơi cư trú:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Trước đây tôi đã có quốc tịch Việt Nam, nhưng đã mất quốc tịch Việt Nam từ ngày .................... tháng ...................... năm

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (6):

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi làm đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (7):

Tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên có tên dưới đây được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Địa chỉ cư trú hiện nay | Nơi sinh | Nơi đăng ký khai sinh | Tên gọi  Việt Nam | Ghi chú (8) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Về quốc tịch hiện nay (9):

|  |  |
| --- | --- |
| Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)*: | Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)* thuộc trường hợp đặc biệt: |
|  | Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được trở lại quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:  ……………………………………………………………..  ………………………………………………………….….  ………………………………………………………….….  ………………………………………………………….….  ……………………………………………………………. |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

***Giấy tờ kèm theo:***  *.............., ngày ...... tháng ... năm.........*

- . ....................... **Người làm đơn**

- . ....................... *(Ký và ghi rõ họ tên)*

- . ..........................

**Chú thích:**

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
2. *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
3. *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
4. *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
5. *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
6. *Ghi rõ mất quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nào;*
7. *Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam.*
8. *Ghi rõ trở lại hay nhập quốc tịch Việt Nam;*
9. *Đánh dấu ‘X” vào 1 trong 2 lựa chọn.*

*Mẫu TP/QT-2010-TKLL*

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6  (Chụp chưa quá 06 tháng) | **CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **TỜ KHAI LÝ LỊCH** |

**Họ và tên** (1):

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ......................................... Số

Cấp ngày, tháng, năm:........................................., Cơ quan cấp

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc

**TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN**

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

* 1. **TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH**

**Họ và tên cha**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên mẹ**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên vợ/chồng:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên con thứ nhất**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên con thứ hai**:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

*….......……, ngày…..…tháng….…năm…....…*

**Người khai**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Chú thích:**

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*

*(2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*

1. *(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
2. *(4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
3. *(5) Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

**4. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước[[4]](#footnote-4)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Người có yêu cầu xác nhận có quốc tịch Việt Nam cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu chính, từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

**- Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

\* Trường hợp nộp trực tiếp:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ những loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký và ghi rõ họ, tên người tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong trường hợp hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện theo hướng dẫn thì người tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên.

\* Trường hợp nộp qua bưu chính:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì mời người nộp hồ sơ đến bổ sung theo quy định.

**- Bước 3:** Giải quyết hồ sơ

+ Đối với trường hợp có đủ cơ sở để xác định quốc tịch Việt Nam:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra, đối chiếu danh sách những người đã được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam và xem xét cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu số TP/QT-2013-GXNCQTVN);

+ Đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam:

* Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp và Công an Thành phố hoặc Công an cấp tỉnh nơi thường trú cuối cùng của người đó ở Việt Nam tiến hành xác minh;
* Trường hợp nghi ngờ tính xác thực của giấy tờ trong hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh;
* Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu, kiểm tra, xác minh, Bộ Tư pháp hoặc cơ quan, tổ chức liên quan có văn bản trả lời;
* Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, kiểm tra, xác minh, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNCQTVN), nếu xác định được người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam;
* Trường hợp sau khi tiến hành tra cứu, kiểm tra, xác minh, vẫn không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

**- Bước 4:** Người đề nghị căn cứ ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp như sau:

+ Lần 1: Nhận kết quả hoặc nhận thông báo hồ sơ đã được chuyển xác minh tại các cơ quan khác;

+ Lần 2: Nhận kết quả hoặc văn bản thông báo từ chối có nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc gửi qua đường bưu chính.

**c) Thành phần, số lượng sồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

* Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch:

+ Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu số TP/QT-2013-TKXNCQTVN) kèm 02 ảnh 4x6;

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam được quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, bao gồm:

* Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ;
* Giấy chứng minh nhân dân;
* Hộ chiếu Việt Nam;
* Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

+ Hoặc các giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nếu trên đó ghi tên Việt Nam (họ tên người yêu cầu, họ tên cha, mẹ).

* Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch:

+ Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu số TP/QT-2013-TKXNCQTVN) kèm 02 ảnh 4x6;

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

+ Tờ khai lý lịch (theo mẫu);

+ Các giấy tờ để phục vụ việc xác minh về quốc tịch (quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an), gồm:

* + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột, con;
  + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ có nội dung liên quan đến quốc tịch của đương sự do chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975;
  + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ trên đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

\* Giấy tờ phải xuất trình:

Giấy tờ chứng minh nơi cư trú là một trong các giấy tờ sau: Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú (nếu có), trong trường hợp không có các loại giấy tờ nêu trên thì nơi cư trú của đương sự là nơi người đó đang sinh sống và có xác nhận của Công an phường, xã, thị trấn về việc cư trú tại địa phương.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với trường hợp có đủ cơ sở để xác định quốc tịch Việt Nam: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận được kết quả tra cứu, kiểm tra, xác minh của các cơ quan có liên quan.

**­đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**- Cơ quan phối hợp:** Bộ Tư pháp, Bộ Công an hoặc cơ quan, tổ chức liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

***h) Phí, lệ phí:*** *100.000 đồng/trường hợp.*

*\* Các trường hợp sau đây được miễn phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam:*

*- Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;*

*- Kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú được miễn phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam.*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu số TP/QT-2013-TKXNCQTVN ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BCA-BNG ngày 31/3/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Người có yêu cầu xác nhận có quốc tịch Việt Nam phải là người cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

*- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);*

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010);

- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BCA-BNG ngày 31 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2013).

*Mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN*

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *………….., ngày ………. tháng ……… năm ……….* |

**TỜ KHAI XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi:……………...... *(tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)*

**Họ và tên người yêu cầu:** …………………………………..……. Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ cư trú:

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Quốc tịch nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:

số ………………………., cấp ngày……tháng…….năm…………tại

Giấy tờ chứng minh hiện nay đang có quốc tịch Việt Nam kèm theo:

*1)*

*2)*

*3)*

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người khai** *(ký, ghi rõ họ, tên)* |

**5. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam[[5]](#footnote-5)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Người yêu cầu xác nhận có gốc Việt Nam cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh) hoặc qua đường bưu chính, từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

**- Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

\* Trường hợp nộp trực tiếp:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ những loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký và ghi rõ họ, tên người tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong trường hợp hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện theo hướng dẫn thì người tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên.

\* Trường hợp nộp qua bưu chính:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì mời người nộp hồ sơ đến bổ sung theo quy định.

**- Bước 3:** Giải quyết hồ sơ:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét các giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch (nếu có), nếu xét thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam thì cấp cho người đó Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNLNGVN);

+ Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu là người gốc Việt Nam, thì Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

**- Bước 4:** Người đề nghị căn cứ ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả hoặc thông báo hồ sơ đang được kiểm tra, xác minh tại các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Sở Tư pháp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu số TP/QT-2013-TKXNLNGVN) kèm 02 ảnh 4x6;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống.

* Giấy tờ khác có liên quan làm căn cứ để tham khảo, bao gồm:

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch do các chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 (nêu tại khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCAngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an);

+ Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước mà người yêu cầu đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam;

+ Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu có gốc Việt Nam;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.

\* Giấy tờ phải xuất trình:

Giấy tờ chứng minh nơi cư trú là một trong các giấy tờ sau: Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú (nếu có), trong trường hợp không có các loại giấy tờ nêu trên thì nơi cư trú của đương sự là nơi người đó đang sinh sống và có xác nhận của Công an phường, xã, thị trấn về việc cư trú tại địa phương.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

***h) Phí, lệ phí:*** *100.000 đồng/trường hợp.*

*\* Các trường hợp sau đây được miễn phí xác nhận là người gốc Việt Nam:*

*- Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;*

*- Kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú được miễn phí xác nhận là người gốc Việt Nam.*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu số TP/QT-2013-TKXNLNGVN ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BCA-BNG ngày 31/3/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Người có yêu cầu xác nhận là người gốc Việt Nam phải là người cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

*- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);*

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010);

- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BCA-BNG ngày 31 tháng 3 năm 2013của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2013).

*TP/QT-2013-TKXNLNGVN*

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *………….., ngày ………. tháng ……… năm ……….* |

**TỜ KHAI XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM**

Kính gửi:................... *(tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)*

**Họ và tên người yêu cầu:** ………………………………………..…. Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ cư trú:

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Quốc tịch nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

số ……………………, cấp ngày ……… tháng ……. năm …………tại

Giấy tờ để chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống, giấy tờchứng minh là con, cháu của người mà khi sinh ra có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống:

*1)*

*2)*

*3)*

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người khai** *(ký, ghi rõ họ, tên)* |

1. Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung. [↑](#footnote-ref-4)
5. Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung. [↑](#footnote-ref-5)